

Số: 1300643

|                                                | Mazda 2 Sport 1.5L Premium                   | Kia New Sonet 1.5 Deluxe |
|------------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------|
| Giá niêm yết:                                  | 544.000.000đ                                 | 539.000.000đ             |
| KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:                       |                                              |                          |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4080 x 1695 x 1515                           | 4120 x 1790 x 1642       |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2570                                         | 2500                     |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5000                                         | 5300                     |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 143                                          | 205                      |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1092                                         | 1095                     |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1524                                         | 1580                     |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 280                                          | 392                      |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 44                                           | 45                       |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                                            | 5                        |
| Nguồn gốc                                      | Nhập Khẩu                                    | SX-LR trong nước         |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:                          |                                              |                          |
| Loại động cơ                                   | Skyactiv-G 1.5L                              | Smartstream 1.5L         |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1496                                         | 1497                     |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 110 / 6000                                   | 113 / 6300               |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 144 / 4000                                   | 144 / 4500               |
| Hộp số                                         | 6AT                                          | CVT                      |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)                              | Cầu trước (FWD)          |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Mc Pherson                           | MacPherson               |
| Hệ thống treo sau                              | Thanh xoắn                                   | Thanh xoắn               |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                                          | Đĩa                      |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                                          | Tang trống               |
| Thông số lốp xe                                | 185/60 R16                                   | 215/60 R16               |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 7.26                                         | 6.67                     |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 4.88                                         | 5.55                     |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 5.75                                         | 5.97                     |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | ●                                            |                          |
| Chế độ lái                                     | Normal/Sport                                 | -                        |
| Chế độ địa hình                                | -                                            | -                        |
| Trang bị khác                                  | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao GVC Plus |                          |
| NGOẠI THẤT:                                    |                                              |                          |
| Cụm đèn trước                                  | LED                                          | Halogen                  |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                                            | ●                        |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | -                                            |                          |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●                                            |                          |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | -                                            |                          |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                                            | LED                      |
| Đèn sương mù                                   | -                                            | -                        |
| Cụm đèn sau                                    | Halogen                                      | LED                      |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                                            | ●                        |
| Gạt mưa tự động                                | ●                                            | -                        |
| Cửa sổ trời                                    | -                                            | -                        |

## NỘI THẤT - TIỆN NGHI:

|                                      |                  |                  |
|--------------------------------------|------------------|------------------|
| Vô lăng bọc da                       | ●                | Urethane         |
| Chất liệu ghế                        | Da + Nỉ          | Da               |
| Ghế người lái chỉnh cơ               | ●                | ●                |
| Ghế người lái chỉnh điện             | -                |                  |
| Ghế người lái có nhớ vị trí          | -                |                  |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ   | ●                | ●                |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện | -                |                  |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát  | -                |                  |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi     | -                |                  |
| Hàng ghế trước có tính năng massage  | -                |                  |
| Tính năng cửa hít                    | -                |                  |
| Kính cửa sổ chỉnh điện               | ●                | ●                |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin        | Analog + Digital | TFT LCD 4.2 inch |
| Màn hình HUD                         | ●                |                  |
| Màn hình giải trí trung tâm          | 7"               | 8 inch           |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto   | ●                | ●                |
| Hệ thống điều hòa tự động            | ●                |                  |
| Số vùng khí hậu điều hòa             | 1                | 2                |
| Cửa gió cho hàng ghế sau             | -                | ●                |
| Chìa khóa thông minh                 | ●                |                  |
| Khởi động nút bấm                    | ●                |                  |
| Khởi động từ xa                      | -                |                  |
| Hệ thống âm thanh                    | 6 loa            | 6 Loa            |
| Lấy chuyển số                        | ●                |                  |
| Sạc không dây Qi                     | -                |                  |
| Phanh đỗ điện tử                     | -                |                  |
| Giữ phanh tự động Autohold           | -                |                  |
| Đèn trang trí nội thất               | -                |                  |
| Rèm che nắng                         | -                |                  |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX           | ●                |                  |

## AN TOÀN:

|                                                 |     |     |
|-------------------------------------------------|-----|-----|
| Số túi khí                                      | 6   | 2   |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●   | ●   |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●   | ●   |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●   | ●   |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ●   | ●   |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●   | ●   |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●   | ●   |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●   | ●   |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●   | n/a |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ●   |     |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Sau | Sau |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●   |     |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ●   |     |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | -   |     |

|                                          |   |   |
|------------------------------------------|---|---|
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường            | - |   |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động           | - |   |
| Hệ thống điều khiển hành trình           | ● |   |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng | - |   |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp            | - |   |
| Camera lùi                               | ● | ● |